

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 11 - 2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXT- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn An Thọ, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hồng: Ông Lê Văn D, Trợ giúp viên - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- Bị đơn: Anh Trương Quang N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Chùa, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Quang N kết hôn với nhau ngày 21/02/2003, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do

tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, đặc biệt từ khi anh N có biểu hiện bị bệnh và phải đi điều trị. Gia đình anh N không quan tâm, chị đã phải bỏ lên trên tỉnh Y làm thuê nuôi con. Đối với anh N có biểu hiện của bệnh tật, hiện tại đang được đi điều trị ở Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần ở Vĩnh Phúc. Anh N có biểu hiện của bệnh và được điều trị nhưng cụ thể bệnh gì chị không biết, chị và gia đình nhà chồng chưa bao giờ đưa anh N đi giám định tâm thần do đó không có kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án cũng chưa có bất kỳ quyết định tuyên bố anh N là người mất năng lực hành vi dân sự.

Do trước đây vợ chồng có mâu thuẫn, sau đó anh N bị bệnh và chị đã phải bỏ lên tỉnh Y làm ăn nhiều năm nay, chị và anh N cũng như gia đình anh N không liên lạc gì, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, đầu năm 2018 chị đã có đơn ly hôn anh N, sau đó chị rút đơn để làm thủ tục giải quyết việc dân sự tuyên bố anh N mất năng lực hành vi. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự Tòa án không thụ lý do gia đình anh N là ông S không đồng ý đưa anh N đi làm thủ tục giám định pháp y tâm thần.

Nay chị làm đơn lại đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N vì thời gian đã hơn 10 năm ly thân để chị có cơ hội tạo lập cuộc sống mới, nuôi dạy con và tách sổ hộ khẩu.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Trương Thị Thu B, sinh ngày 05/02/2005. Ly hôn chị xin được nuôi cháu B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Quang N: Tiến hành xác minh tại địa phương, Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc; lấy lời khai của ông Trương Quang S và bản thân anh N được biết:

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, Phòng Lao động, Thương binh và xã hội Vĩnh Tường cho biết: Anh N là người khuyết dạng đặc biệt nặng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội, từ tháng 02/2018 được vào điều trị tại Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc, mọi chế của anh N đều được chuyển theo.

- Xác minh tại Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc cho biết: Anh N vào điều trị tại Trung tâm từ ngày 02/01/2018 do bị bệnh tâm thần phân liệt. Quá trình điều trị anh N tiến triển tốt, tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn có biểu hiện rối loạn cảm xúc, rối loạn hành vi. Ngoài những biểu hiện trên thì thời gian khác anh N cơ bản ổn định, nhận thức được. Thời

gian điều trị thì phụ thuộc vào tiến triển của bệnh. Hồ sơ điều trị của anh N không có kết luận giám định của Hội đồng pháp y.

- Ông Trương Quang S là bố đẻ anh N cho biết vợ chồng anh N, chị H kết hôn từ năm 2003, trước khi kết hôn vợ chồng anh N có tìm hiểu, tổ chức theo phong tục và có đăng ký hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2008 - 2009 anh N bị bệnh gia đình có đưa anh N đi điều trị tại Bệnh viện, chị H không quan tâm gì bản thân chị H bỏ lên trên Yên Bái. Đến năm 2010 anh N bị bệnh nặng gia đình báo gọi chị H về có trách nhiệm điều trị thì chị H tuyên bố không có trách nhiệm. Và từ đó đến nay không có trách nhiệm gì hết, không quan tâm gì đến anh N. Hiện tại anh N đang được điều trị bệnh tại Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng phục hồi chức năng người tâm thần ở Vĩnh Yên, chị H xin ly hôn anh N quan điểm của ông: Việc ly hôn giữa chị H và anh N do hai vợ chồng quyết định khi nào anh N điều trị khỏi bệnh về thì anh chị tự giải quyết, ông không liên quan. Anh N hiện tại sức khỏe cơ bản đã ổn định, đã biết, nhận thức được mọi việc, bệnh tiến triển rất tốt do đó ông không đồng ý đưa anh N đi làm thủ tục giám định pháp y tâm thần. Đối với anh N không có kết luận giám định pháp y tâm thần và cũng không có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố anh N mất năng lực hành vi dân sự. Về trợ giúp pháp lý: Tuy là miễn phí nhưng ông không yêu cầu, không đề nghị Tòa án mời trợ giúp.

Về tài sản chung: Ông được biết chị H và anh N cũng không có tài sản chung gì. Về con chung: Chị H và anh N có một con gái tên là Trương Thị Thu B, hiện đang ở với chị H ở xã K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2018 có sự chứng kiến của đại diện Trung tâm, được Thẩm phán giải thích các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về quyền nghĩa vụ của đương sự trong vụ án, các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật hôn nhân và gia đình liên quan đến quyền nghĩa vụ của các đương sự, liên quan đến việc ly hôn có một bên có biểu hiện của bệnh tâm thần; phổ biến, giải thích quyền đề nghị trợ giúp miễn phí theo Luật Trợ giúp pháp lý và các quy định khác của pháp luật liên quan anh N khai như sau: Hiện anh đang phải điều trị bệnh, sức khỏe tạm ổn định. Đối với việc chị H xin ly hôn, quan điểm của anh nếu chị H xác định không ở được thì giải quyết ly hôn. Về con, vợ chồng có một con gái tên là Trương Thị Thu B, sinh ngày 05/02/2005 hiện nay cháu B đang ở với chị H ở thôn An Thọ, xã K, huyện V. Do anh hiện tại đang phải điều trị bệnh nên để cho chị H nuôi cháu B. Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh không đề nghị mời trợ giúp pháp lý.

Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H: Chị H và anh N ly thân đã lâu, không còn tình cảm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn anh N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh N đang điều trị bệnh nên vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị H và anh N ly thân đã lâu, trong khi anh N phải đi điều trị bệnh thì chị H đi làm ăn xa, không quan tâm thăm hỏi gì anh N. Chị H và anh N tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị H, cho chị H được ly hôn anh N; về con giao cho chị H nuôi cháu B, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Miễn án phí cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N, đồng thời yêu cầu giải quyết phân chia nuôi con chung, bị đơn anh N hiện có hộ khẩu Thôn Chùa, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[1.1] Đối với anh N có biểu hiện của bệnh tâm thần, hiện đang được gia đình đưa đi điều trị, chăm sóc tại Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc; anh N có hồ sơ bảo trợ xã hội và được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần yêu cầu chị H và ông S là bố đẻ làm thủ tục giám định tâm thần đối với anh N hoặc phối hợp với Tòa án đưa anh N đi giám định tâm thần tại Bệnh viện tâm thần theo quy định. Tuy nhiên cả chị H và ông S đều từ chối không đề nghị giám định tâm thần đối với anh N. Hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã K, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc đều không có kết luận giám định pháp y tâm thần của cơ quan chuyên môn (bản thân chị H, ông S cho biết chưa bao giờ đưa anh N đi giám định tâm thần nên không có kết luận giám định pháp y tâm thần của cơ quan chuyên môn). Do chị H, ông S (là bố đẻ anh N, người thân duy nhất hiện ở cùng anh N) không yêu cầu giám định tâm thần đối với anh

N, không có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi nên Tòa án không ra quyết định trưng cầu giám định đưa anh N đi giám định tâm thần hay thụ lý đơn yêu cầu mở phiên họp ra Quyết định tuyên bố anh N là người bị mất năng lực hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi để từ đó yêu cầu gia đình anh N cử đại diện tham gia giải quyết vụ án hoặc Tòa án ra quyết định cử đại diện cho anh N được.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy tờ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy theo hướng dẫn số 01/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp về tố tụng dân sự trong trường hợp này Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Quá trình chuẩn bị xét xử anh N đều vắng mặt và chị H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Mặc dù quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên sau đó vợ chồng mâu thuẫn, đặc biệt từ năm 2008 - 2009 anh N có biểu hiện bị bệnh được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần sau đó tiếp tục được đưa và điều trị tại Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc . Từ đó vợ chồng không còn chung sống, anh N được gia đình nhà chồng đưa đi điều trị bệnh, chị H đi làm ăn ở tỉnh Yên Bái để nuôi con trong thời gian này chị H cũng không về, không quan tâm, thăm nom chăm sóc gì cho anh N. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị H và anh N không được duy trì, mục đích hôn nhân nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, chị H và anh N không còn tình cảm gì, đã ly thân nhiều năm do vậy cuộc sống chung không thể kéo dài, nên việc chị H xin ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Trương Thị Thu B, sinh ngày 05/02/2005, hiện cháu B đang ở với chị H. Hiện tại anh N đang phải điều trị bệnh. Do đó việc chị H xin được trực tiếp nuôi cháu B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau này nếu có tài sản và có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H thuộc hộ nghèo do đó được miễn án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 14 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chị Hà Thị H được ly hôn anh Trương Quang N.

2. Về con chung: Chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị Thu B, sinh ngày 05/02/2005 (Hiện cháu B đang ở với chị H), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H được hoàn trả lại số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001859 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Xuân Trọng